

UBND TỈNH BẮC NINH  
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL

BẮC DUÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 502/BD-CBTTDN

V/v công bố thông tin doanh nghiệp  
theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP

Từ Sơn, ngày 12 tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về việc công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước;

Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Duông báo cáo nội dung công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định gồm những phần sau:

1. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và báo cáo 03 năm gần nhất;
2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có) năm 2020;
3. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2020.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCHC;

**CHỦ TỊCH**



**PHỤ LỤC V**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT  
KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)*

**Năm báo cáo: 2021**

**A. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 đến năm 2020**

**I. Đánh giá khái quát về thị trường, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp**

Hệ thống thủy nông Bắc Đuông được giới hạn Sông Cầu giáp phía Bắc và Đông Bắc, phía Nam và Đông Nam giáp sông Đuông, phía Tây giáp sông Cà Lồ. Công ty có nhiệm vụ đảm bảo phục vụ cấp nước tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp của 5 huyện, thị, thành phố trong Tỉnh (huyện Quế Võ, Yên Phong, Tiên Du, thị xã Từ Sơn và thành phố Bắc Ninh); 4 xã thuộc huyện Đông Anh và một phần diện tích của xã Yên Thường, Ninh Hiệp thuộc huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội.

Trong những năm gần đây Công ty luôn gặp khó khăn về nguồn nước tưới. Mục nước, lưu lượng sông Đuông, sông Cầu luôn ở mức thấp và thiếu hụt, hiện tượng cạn kiệt xảy ra gay gắt nhất vào đúng thời kỳ lấy nước tưới ải. Việc phục vụ nông nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng, một số trạm bơm không đủ nước bơm tưới, thời gian máy bơm cung cấp nước tưới kéo dài, giảm tuổi thọ và nguy cơ sự cố, hư hỏng luôn tiềm ẩn, song Công ty đã chủ động khắc phục những khó khăn và đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch UBND tỉnh giao.

**II. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đến năm 2020**

**1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu diện tích, doanh thu năm 2018**

a. Tổng diện tích cả năm: 52.620 ha, trong đó:

+ Phục vụ trong tỉnh: 50.478 ha

+ Phục vụ tỉnh ngoài: 2.142 ha

b. Tổng doanh thu: 183.140 triệu đồng:

- Doanh thu từ hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 78.145 triệu đồng, trong đó:

+ Phục vụ trong tỉnh:	75.797 triệu đồng
+ Phục vụ tỉnh ngoài:	2.348 triệu đồng
- Ngân sách hỗ trợ:	104.086 triệu đồng
- Thu khác:	909 triệu đồng

## 2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu diện tích, doanh thu năm 2019

a. Tổng diện tích cả năm: 51.473 ha, trong đó:

+ Phục vụ trong tỉnh:	49.333 ha
+ Phục vụ tỉnh ngoài:	2.140 ha

b. Tổng doanh thu: 195.948 triệu đồng:

- Doanh thu từ hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 76.539 triệu đồng, trong đó:

+ Phục vụ trong tỉnh:	74.193 triệu đồng
+ Phục vụ tỉnh ngoài:	2.346 triệu đồng
- Thu khác:	471 triệu đồng
- Ngân sách hỗ trợ:	118.937 triệu đồng

## 3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu diện tích, doanh thu năm 2020

a. Tổng diện tích cả năm: 51.337 ha, trong đó:

+ Phục vụ trong tỉnh:	49.209 ha
+ Phục vụ tỉnh ngoài:	2.128 ha

b. Tổng doanh thu: 209.626 triệu đồng:

- Doanh thu từ hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 74.256 triệu đồng, trong đó:

+ Phục vụ trong tỉnh:	71.925 triệu đồng
+ Phục vụ tỉnh ngoài:	2.331 triệu đồng
- Thu khác:	68 triệu đồng
- Ngân sách hỗ trợ:	135.302 triệu đồng

## 4. Đánh giá kết quả thực hiện từ năm 2018 đến năm 2020

\* Công tác hợp đồng nghiệm thu:



Nhìn chung về công tác hợp đồng nghiệm thu, Công ty đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng cho công tác phục vụ tưới, tiêu trên địa bàn. Cụ thể diện tích tưới, tiêu nước phục vụ của toàn Công ty 03 năm như sau:

- Năm 2018 là: 52.620 ha/ 53.324 ha KH đạt 98,7%.
- Năm 2019 là: 51.473 ha/ 52.274 ha KH đạt 98,5 %.
- Năm 2020 là: 51.337 ha/ 52.393 ha KH, đạt 98,0 %.

Nguyên nhân thực hiện hợp đồng tưới, tiêu chưa đạt 100% là do trên địa bàn phát triển công nghiệp, dịch vụ nên một số hộ nông dân bỏ ruộng hoang không sản xuất nông nghiệp và do chuyển đổi mục đích sử dụng do nhà nước thu hồi dẫn đến diện tích nghiệm thu giảm so với kế hoạch giao.

*\* Công tác kế hoạch:*

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch năm do UBND tỉnh giao tại các quyết định:

- Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao kế hoạch tài chính năm 2018.
- Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao kế hoạch tài chính năm 2019.
- Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao kế hoạch tài chính năm 2020.

Công ty đã chỉ đạo triển khai giao cho các Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi thực hiện, kết quả các chỉ tiêu thực hiện trong năm đều đạt so với kế hoạch đề ra.

Xây dựng kế hoạch 2018-2020: Công ty đã lập kế hoạch sản xuất và tài chính năm 2018-2020 theo đúng thời gian qui định gửi cấp trên thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch tài chính hàng năm cho đơn vị.

### **III. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong 3 năm (2018-2020)**

#### **1. Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1**

Dự án bao gồm 4 gói thầu :

- Gói thầu số 3: cơ khí (máy bơm),
- Gói thầu số 4: Khu đầu mối,
- Gói thầu số 5 (hệ thống điện),
- Gói thầu số 7 : kênh và công trình trên kênh
- Tổng mức đầu tư : 64.051.383.000 đồng

-Tổng giá trị thực hiện đến nay : 50.992.000.000 đồng

- Đang hoàn thiện gói thầu số 3: cơ khí (máy bơm), Gói thầu số 4: Khu đầu mỗi, Gói thầu số 5 (hệ thống điện), gói thầu kênh và công trình trên kênh.

## **2. Dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp**

Dự án bao gồm 5 gói thầu

-Gói thầu Khu đầu mỗi trạm bơm;

-Hệ thống điện cao, hạ thế;

-Cơ khí (máy bơm);

-Kênh và công trình trên kênh.

-Máy vớt rác tự động

-Tổng mức đầu tư : 279.952.157.000 đồng

-Tổng giá trị thực hiện đến nay : 137.182.000.000 đồng

-Hiện tại, đang thực hiện thi công các hạng mục: Khu đầu mỗi trạm bơm; Hệ thống điện cao, hạ thế; Cơ khí (máy bơm); Kênh và công trình trên kênh và Hạng mục Máy vớt rác tự động .

## **3. Dự án: Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc thuộc khu tiêu Phả Lại huyện Quế Võ (Giai đoạn 2)**

-Khu đầu mỗi trạm bơm Phúc Lộc (giai đoạn 2),

-Gói thầu cơ khí, hệ thống điện

-Tổng mức đầu tư : 48.142.320.000 đồng

-Tổng giá trị thực hiện đến nay : 37.346.000.000 đồng

-Đã thi công hoàn thành gói thầu gói thầu cơ khí, hệ thống điện; Đang tổ chức thi công gói thầu khu đầu mỗi trạm bơm.

## **IV. Thuận lợi, khó khăn**

### **1. Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Ninh, các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã đã phối hợp, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi tháo gỡ những khó khăn cho Công ty thực hiện nhiệm vụ.



- Sự đóng góp rất lớn của các đơn vị trực thuộc đã đoàn kết, cùng nhau hợp sức vượt qua khó khăn; sự tham mưu kịp thời của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất.

- Điều kiện làm việc ngày càng được cải thiện, chất lượng cán bộ được nâng lên đáp ứng với yêu cầu của công việc.

## **2. Khó khăn:**

- Quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp, khu công nghiệp làng nghề phát triển mạnh nhưng không đồng bộ với quy hoạch tưới, tiêu của hệ thống. Một số khu công nghiệp, đô thị, dự án giao thông ra đời, thi công không phù hợp với quy trình sản xuất; cấp nước cho đất nông nghiệp khó khăn, các khu công nghiệp không tiêu được và nước thải chưa được xử lý,...

- Công ty là đơn vị hoạt động công ích nên nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp chi đáp ứng được các khoản chi cần thiết, tối thiểu; các khoản chi vượt kế hoạch như tiền điện, tu bổ sửa chữa công trình cấp bách do các nguyên nhân khách quan, Công ty đều phải báo cáo, giải trình và chờ ngân sách bổ sung kinh phí.

- Công tác quản lý tài sản trên địa bàn rộng, thường xuyên điều động giữa các đơn vị trong Công ty, đòi hỏi phải theo dõi sát sao mới đảm bảo được yêu cầu sản xuất.

- Giá nguyên vật liệu tăng, giá điện, nước tăng cũng gây không ít khó khăn cho đơn vị.

Bên cạnh đó Doanh nghiệp có nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Nhưng hiện nay, cơ sở hạ tầng, hệ thống kênh mương, trạm bơm đa số được xây dựng từ những năm 1960, đang phải đối mặt với các công trình đã xuống cấp trầm trọng, nhu cầu cho kinh phí sửa chữa rất lớn, trong khi đó nguồn tài chính được cấp hiện nay Công ty thực hiện ưu tiên thanh toán khoản tiền điện, tiền dầu vận hành máy bơm và chi trả cho những công trình cấp thiết để đảm bảo phục vụ sản xuất.

## **IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, vốn ngân sách Nhà nước cấp 100%. Hiện nay, Công ty đã xây dựng phương án giá dịch vụ công ích thủy lợi và giá dịch vụ thủy lợi khác là tiêu nước cho khu công nghiệp và khu đô thị, Công ty đã trình cấp trên thẩm định, phê duyệt. Đồng thời khai thác đa mục tiêu các ngành nghề đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**BIỂU SỐ 1**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Ước thực hiện năm 2021
	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu					
1	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	ha	52.620	51.473	51.337	50.711
1.1	Diện tích phục vụ trong tỉnh	ha	50.478	49.333	49.209	48.583
1.2	Diện tích phục vụ tỉnh ngoài	ha	2.142	2.140	2.128	2.128

## PHỤ LỤC VI

### BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL  
BẮC ĐƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Từ Sơn, ngày 11 tháng 06 năm 2021

#### I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

##### BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	ha	52.394	51.337	97,98 %	99,73%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu				.... %	.... %
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Trđ	146.270	146.325	100,04%	113,33%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Trđ	146.270	145.925	99,76%	113,02%



## II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Công tác thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh cũng như phát triển kinh tế nông thôn đang đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Đặc biệt đối với sản xuất nông nghiệp thì nhu cầu nước là thiết yếu: nước cho cây trồng cạn, nước cho nuôi trồng thủy sản và nước sạch nông thôn, ô nhiễm do nước thải từ các làng nghề và khu dân cư.

Bởi vì, nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, là điều kiện để khai thác và sử dụng tài nguyên khác và là nguyên liệu không thể thay thế được của các ngành kinh tế. Nhưng mặt khác, nước cũng có thể gây những tai họa khủng khiếp cho sản xuất nông nghiệp, cho dân sinh, kinh tế và môi trường.

Như vậy, trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường là:

Thực hiện nghiêm túc Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19.6.2017, hiệu lực thi hành từ 01.7.2018. Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14.5.2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi, hiệu lực thi hành ngày 01.7.2018.

Xây dựng hệ thống kiểm soát và xử lý nước thải ở các làng nghề, các khu dân cư tập trung.

Tiếp tục đầu tư xây mới các công trình thủy lợi, chú trọng công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, tu bổ sửa chữa thường xuyên và đặc biệt xây dựng các công trình trọng điểm phục vụ chống úng, chống hạn.

Nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi hiện có trong hệ thống.

Tăng cường các biện pháp làm giảm nhẹ thiên tai, úng bão lũ.

Kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm công trình thủy lợi. Đồng thời có biện pháp ngăn chặn đối với các hành vi vi phạm công trình thủy lợi.

### 2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Quản lý việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo mục tiêu, nhiệm vụ thiết kế và tiềm năng, lợi thế của công trình là hết sức cần thiết.

Lựa chọn, ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi, giám sát việc cung cấp và sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi.

Chủ trì thực hiện điều tra, đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất, quyết định theo thẩm quyền hoặc

trình Chủ sở hữu quyết định đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá định kỳ 05 năm hoặc đột xuất.

Điều 22 – Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã quy định rõ vấn đề này. Do vậy, việc nâng cao vai trò của cộng đồng, từng bước xã hội hóa công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và dân sinh. Đây là chủ trương từng bước xã hội hóa công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi trong cơ chế kinh tế mới.

### **3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.**

Cơ quan quản lý công trình thủy lợi quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Luật này quyết định phương thức khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước như sau:

Công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt được giao cho doanh nghiệp nhà nước quản lý, khai thác và thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

Công trình thủy lợi không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

Đối với công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó quyết định phương thức khai thác.

Sử dụng nguồn lực được giao để mở rộng khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật.

Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Vận hành công trình thủy lợi theo nhiệm vụ thiết kế và quy trình vận hành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, phòng, chống các hành vi xâm hại hoặc phá hoại công trình thủy lợi.

Kiến nghị Chủ Sở hữu cấp kinh phí bảo trì, đầu tư, nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa, xử lý khắc phục sự cố công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn, cùng cố, tuyên truyền người dân nâng cao ý thức sử dụng nguồn nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Xây dựng và trình phê duyệt phương án giá dịch vụ công ích thủy lợi và phương án giá dịch vụ thủy lợi khác.



Có trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng kinh phí sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đúng mục đích và hiệu quả, áp dụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và cơ chế chính sách tài chính hiện hành.

Xây dựng phương án phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với diễn biến thời tiết phức tạp, khó lường.

#### **4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.**

Đối với các đơn vị tổ chức, cá nhân được hưởng lợi nước, việc đảm bảo nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp là một việc hết sức phức tạp cả về qui hoạch, khoa học công nghệ, đầu tư và cơ chế chính sách, nếu không có sự chỉ đạo tập trung, nghiên cứu sát sao khó có thể mang lại hiệu quả cao.

Việc phục hồi, phát triển các làng nghề truyền thống ở nông thôn sẽ tạo thêm công ăn việc làm, thu nhập cho nông dân, tạo một lượng sản phẩm có giá trị lớn cho xã hội. Nhưng cùng với sự phát triển của sản xuất, yêu cầu nước cho làng nghề và nhất là việc sử lý ô nhiễm nước thải là vấn đề bức xúc.

Vấn đề ô nhiễm do nước thải của các làng nghề truyền thống với qui mô ngày càng lớn nếu không có ngay các giải pháp để kiểm soát và xử lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người làm việc trong làng nghề và còn nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước trong khu vực.

Những vấn đề môi trường nước để đảm bảo hiệu quả cao và bền vững cho phát triển thủy sản tập trung đang là những thách thức cần được giải quyết sớm. từ qui hoạch sản xuất, phân định ranh giới giữa mô hình lúa và thủy sản đến việc xây dựng hệ thống dẫn, tháo nước và qui trình sử lý nước thải từ diện tích nuôi trồng thủy sản đang đòi hỏi được giải quyết.

Từ những hiện trạng thực tế trên, trách nhiệm của Doanh nghiệp cần phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành điều tra, đánh giá một cách khoa học về tình hình ô nhiễm nguồn nước của các làng nghề và khu dân cư tập trung, nhất là nghề có nhiều chất độc hại. Thực hiện kiểm soát chất lượng nước thải vào các nguồn nước.

Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn Công ty quản lý.

#### **5. Quan hệ tốt với người lao động.**

Tập thể người lao động trong Công ty và bà con nông dân được xác định là lực lượng lao động chính tham gia vào quá trình sản xuất nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng.

Nguồn lực lao động vừa là yếu tố "đầu vào" của quá trình sản xuất, vừa là người tham gia tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ của xã hội. Như vậy, với tư



cách là bộ phận dân số thực hiện quá trình tiêu dùng, nguồn lao động trở thành nhân tố tạo cầu của nền kinh tế. Nguồn lực lao động khác với các nguồn lực khác là vừa tham gia tạo cung, tạo cầu, vừa trực tiếp điều tiết quan hệ gắn bó với chủ thể kinh tế - xã hội do con người tạo ra.

Đãi ngộ người lao động là quá trình chăm lo đời sống và tinh thần của người lao động để họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và qua đó góp phần hoàn thành mục tiêu của Doanh nghiệp thông qua lao động có hiệu quả của đội ngũ nhân viên.

Sử dụng nguồn lực lao động là bao gồm tất cả những quyết định và hoạt động quản lý có ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp và đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp. Mục tiêu chủ yếu của sử dụng nguồn lực lao động là nhằm đảm bảo đủ số lượng người lao động với mức trình độ và kỹ năng phù hợp, bố trí họ vào đúng công việc, và vào đúng thời điểm để đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp. Sử dụng nguồn lực lao động là đảm bảo có đúng người với kỹ năng và trình độ phù hợp, vào đúng công việc và vào đúng thời điểm thích hợp để thực hiện mục tiêu của Công ty.

Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục xây dựng các chính sách động viên khác như khen thưởng những nhân viên đạt thành tích xuất sắc, cung cấp các chương trình bảo hiểm y tế toàn diện, chế độ nghỉ dưỡng bổ sung, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh... nhằm giúp người lao động cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình.

Chính sách đãi ngộ mà Doanh nghiệp đang có xu hướng áp dụng bao gồm ba phần là lương cơ bản, các khoản khuyến khích ngắn hạn và các khoản khuyến khích dài hạn, trong đó các khoản khuyến khích dài hạn đang được áp dụng khá phổ biến nhằm gắn trách nhiệm của các cấp điều hành đối với các mục tiêu trung hạn và hướng đến sự tăng trưởng bền vững dài hạn của doanh nghiệp.

## **6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích người lao động trong Doanh nghiệp.**

Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng nguồn nhân lực lao động.

Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực khuyến khích người lao động tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá nhân lực hoàn thành công việc của nguồn nhân lực lao động tại công ty.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý với nhân viên trong công ty.

Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy chế phân công, bố trí nguồn nhân lực lao động áp dụng các hình thức tổ chức quản lý lao động hợp lý.



cách là bộ phận dân số thực hiện quá trình tiêu dùng, nguồn lao động trở thành nhân tố tạo cầu của nền kinh tế. Nguồn lực lao động khác với các nguồn lực khác là vừa tham gia tạo cung, tạo cầu, vừa trực tiếp điều tiết quan hệ gắn bó với chủ thể kinh tế - xã hội do con người tạo ra.

Đãi ngộ người lao động là quá trình chăm lo đời sống và tinh thần của người lao động để họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và qua đó góp phần hoàn thành mục tiêu của Doanh nghiệp thông qua lao động có hiệu quả của đội ngũ nhân viên.

Sử dụng nguồn lực lao động là bao gồm tất cả những quyết định và hoạt động quản lý có ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp và đội ngũ nhân viên của doanh nghiệp. Mục tiêu chủ yếu của sử dụng nguồn lực lao động là nhằm đảm bảo đủ số lượng người lao động với mức trình độ và kỹ năng phù hợp, bố trí họ vào đúng công việc, và vào đúng thời điểm để đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp. Sử dụng nguồn lực lao động là đảm bảo có đúng người với kỹ năng và trình độ phù hợp, vào đúng công việc và vào đúng thời điểm thích hợp để thực hiện mục tiêu của Công ty.

Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục xây dựng các chính sách động viên khác như khen thưởng những nhân viên đạt thành tích xuất sắc, cung cấp các chương trình bảo hiểm y tế toàn diện, chế độ nghỉ dưỡng bổ sung, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh... nhằm giúp người lao động cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình.

Chính sách đãi ngộ mà Doanh nghiệp đang có xu hướng áp dụng bao gồm ba phần là lương cơ bản, các khoản khuyến khích ngắn hạn và các khoản khuyến khích dài hạn, trong đó các khoản khuyến khích dài hạn đang được áp dụng khá phổ biến nhằm gắn trách nhiệm của các cấp điều hành đối với các mục tiêu trung hạn và hướng đến sự tăng trưởng bền vững dài hạn của doanh nghiệp.

## **6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích người lao động trong Doanh nghiệp.**

Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng nguồn nhân lực lao động.

Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực khuyến khích người lao động tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá nhân lực hoàn thành công việc của nguồn nhân lực lao động tại công ty.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý với nhân viên trong công ty.

Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy chế phân công, bố trí nguồn nhân lực lao động áp dụng các hình thức tổ chức quản lý lao động hợp lý.

Vận dụng các chính sách trọng dụng nhân tài bổ sung vào đội ngũ lãnh đạo quản lý, chuyên viên và đội ngũ nguồn nhân lực lao động tại Công ty.

Tài nguyên nước luôn vận động và luân hồi nhưng hữu hạn. Vì thế, việc khai thác xây dựng và quản lý hiệu quả các công trình thủy lợi để phát huy những mặt lợi, hạn chế những tác hại của nước, vừa là giải pháp, vừa là mục tiêu hết sức quan trọng đảm bảo sự nghiệp phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn trong thời kỳ mới./.



**PHỤ LỤC VIII**  
**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019**

**I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

**BIỂU SỐ 1 : THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại DN	Chức danh tại Công ty khác					
1	Nguyễn Văn Ty	1969	Chủ tịch Công ty	Không		Thạc sĩ kinh doanh, Kỹ sư thủy lợi	31 năm công tác, trong đó có 15 năm làm công tác quản lý.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó phòng cơ điện, Chi cục TL Bắc Ninh.</li> <li>- Trưởng phòng cơ điện, Chi cục TL Bắc Ninh.</li> <li>- Phó giám đốc Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống</li> <li>- Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống</li> <li>- Chủ tịch Công ty</li> </ul>	Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và chủ sở hữu Công ty về thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

4	Nguyễn Như Tuấn	1965	Giám đốc Công ty	Không		Kỹ sư thủy lợi	34 năm công tác, trong đó có 12 năm làm công tác quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó Giám đốc Xí nghiệp Yên Phong, Công ty KTCTTL Bắc Đuống.</li> <li>- Đội trưởng Đội xây lắp</li> <li>- Phó giám đốc Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống</li> <li>- Giám đốc Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống</li> </ul>	Do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty
2	Nguyễn Trang	1977	Phó giám đốc Công ty	Không		Kỹ sư Điện	20 năm công tác, trong đó có 14 năm làm công tác quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó phòng Cơ điện, Công ty KTCTTL Bắc Đuống</li> <li>- Phó giám đốc, phụ trách Xí nghiệp Đầu mối Trịnh Xá-Long Tửu, Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống</li> <li>- Giám đốc, Xí nghiệp Đầu mối Trịnh Xá-Long Tửu, Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống</li> <li>- Trưởng phòng Cơ điện, Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống</li> <li>- Phó giám đốc Công ty</li> </ul>	Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác cơ điện và pháp lý ngành, xây dựng và tổ chức thực hiện việc ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin trong quản lý tiết kiệm điện, điều hành hệ thống công trình
3	Nguyễn Tất Hoàn	1980	Phó giám đốc Công ty	Không		Thạc sĩ quy hoạch và quản lý tài	17 năm, trong đó có 14 năm làm công tác quản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó phòng Quản lý nước và công trình.</li> <li>- Trưởng phòng Quản lý nước và công trình.</li> </ul>	Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác tưới tiêu, quy

						nguyên nước, Kỹ sư thủy lợi	lý	- Phó giám đốc Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống	hoạch, xây dựng và tổ chức thực hiện đề án tưới tiêu tiết kiệm nước trong quản lý công trình thủy lợi.
5	Đào Tiến Lân	1962	Phó giám đốc Công ty	Không		Kỹ sư thủy lợi	37 năm công tác, trong đó có 24 năm làm công tác quản lý	- Phó phòng Quản lý đề điều, Chi cục Thủy lợi Bắc Ninh; - Trưởng phòng Quản lý đề điều và Phòng chống lụt bão, Chi cục thủy lợi Bắc Ninh; - Chi cục phó Chi cục đề điều và phòng chống lụt bão Bắc Ninh; - Chi cục phó Chi cục thủy lợi Bắc Ninh - Phó giám đốc Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống.	Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác hỗ trợ kinh phí cho các hộ dùng nước.
5	Nguyễn Thị Hồng Thanh	1969	Kiểm soát viên	Không		Kỹ sư thủy lợi	33 năm công tác, trong đó có 7 năm làm công tác quản lý	- Phó phòng Kinh doanh, Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống. - Phó phòng Kế toán tài chính, Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống. - Kiểm soát viên Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống.	Kiểm soát viên



6	Trần Trọng Thiêm	1970	Kế toán trưởng	Không	Cử nhân kinh tế	28 năm công tác, trong đó có 11 năm làm công tác quản lý	- Phó phòng Kế toán Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống. - Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống.	Phụ trách công tác tài chính của Công ty
---	------------------	------	----------------	-------	-----------------	--	---	--

\* Thù lao và lợi ích của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, Phó giám đốc và Kế toán trưởng, Kiểm soát viên năm 2020

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Ăn ca	Công tác phí	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Ty	Chủ tịch kiêm Giám đốc	226.800	18.880	8.444	4.033	258.157
2	Nguyễn Như Tuấn	Phó giám đốc Công ty	218.400	18.250	8.555	4.101	249.306
3	Nguyễn Tất Hoàn	Phó giám đốc Công ty	193.200	16.440	8.555	4.101	222.296
4	Đào Tiến Lân	Phó giám đốc Công ty	193.200	16.440	8.555	4.687	222.882
5	Nguyễn Trang	Phó giám đốc Công ty	193.200	16.360	8.598	4.311	222.469
6	Phạm Ngọc Sơn	Phó giám đốc Công ty	144.900	12.335	6.408	2.811	166.454
7	Nguyễn Thị Hồng Thanh	Kiểm soát viên	193.200	13.587	8.760	4.200	219.747
8	Trần Trọng Thiêm	Kế toán trưởng	176.400	15.100	8.555	4.101	204.156

\* Chính sách đảm bảo trách nhiệm của đội ngũ quản lý

- Công ty có quyết định phân công nhiệm vụ cho Ban giám đốc.
- Đối với Kế toán trưởng được phân công cụ thể trong phương án khoán của công ty.
- Kiểm soát viên chuyên trách hoạt động theo Quy chế riêng

## II. HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ CÁC THÀNH VIÊN GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ

1. Các cuộc họp giao ban tháng, các cuộc họp lãnh đạo công ty về công tác cán bộ.
2. Các cuộc đấu thầu nghiệm thu.
3. Các cuộc họp liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm.

## III. HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có trách nhiệm triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát các nội dung chủ yếu:

- a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty về việc tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc sản xuất kinh doanh tại Công ty bao gồm:
  - Việc triển khai thực hiện điều lệ Công ty.
  - Việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; chiến lược, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
  - Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
  - Việc thực hiện hợp đồng tưới, tiêu và hợp đồng khác.
  - Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, giám sát và các báo cáo khác trước khi trình UBND tỉnh hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan.
- c) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Kiểm soát viên và các quy định của pháp luật hiện hành.

### 2. Các báo cáo của Kiểm soát viên:

1. Kiểm tra công tác tưới ải vụ Xuân năm 2020, hợp đồng vụ Xuân năm 2020; Tình hình quản lý và thu hồi nợ, xử lý tồn đọng, khả năng thanh toán nợ đến 31/12/2019; Thẩm tra báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019.
2. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, thực hiện công khai tài chính năm 2019; Công tác tưới ải vụ Xuân và hợp đồng vụ Xuân năm 2020.
3. Thẩm định việc thực hiện chế độ đối với người lao động; xác định Quỹ tiền lương thực hiện, thù lao, tiền thưởng và thu nhập của người lao động, Viên chức quản lý năm 2019.
4. Thẩm tra các báo cáo: Báo cáo giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp năm 2019; Báo cáo tài chính quý I.2020,
5. Thẩm tra tình hình sản xuất tài chính của Xí nghiệp KTCTTL Từ Sơn năm 2019 và quý I.2020; Kết quả sửa chữa lớn và sửa chữa từ nguồn khấu hao tài sản cố định năm 2019.



6. Thăm tra các báo cáo: Báo cáo giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và công khai thông tin tài chính của Doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2020, Báo cáo tài chính quý II.2020; Kết quả thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền thưởng 6 tháng đầu năm 2020 đối với người lao động và Viên chức quản lý Công ty; Công tác xây dựng kế hoạch tưới tiêu, kế hoạch tài chính, kết quả đối chiếu và thanh toán công nợ đến 30/6/2020.
7. Thăm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính Xi nghiệp KTCTTL Yên Phong 6 tháng đầu năm 2020; Kế hoạch phòng chống úng, lụt bão và hợp đồng tưới, tiêu vụ Mùa năm 2020.
8. Thăm tra việc tuân thủ điều lệ Công ty 9 tháng đầu năm 2020; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức quản lý, người lao động.
9. Thăm tra báo cáo tài chính 9 tháng năm 2020; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn, khấu hao năm 2020; Kiểm tra công tác nghiệm thu tưới, tiêu vụ Mùa năm 2020.
10. Thăm tra báo cáo tài chính 9 tháng năm 2020; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng 9 tháng đầu năm 2020 đối với Viên chức quản lý, người lao động.
11. Thăm tra kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao năm 2020; Kiểm tra việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật; Công tác chuẩn bị tưới ải vụ Xuân năm 2021.
12. Các báo cáo khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Ty**